CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Hưng Thịnh Incons

Ngày 30/06/2025	9,840 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0.7%	**-4.5%**	**-3.1%**

DT thuần
Q2/25
139
tỷ VNĐ
QoQ: ▼91.0| -39.4%
YoY: ▼298| -68.1%

LN thuần
Q2/25
21.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▼14.3| -39.9%
YoY: ▲ 13.9| 180%

LN sau thuế
Q2/25
16.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▼10.6| -38.8%
YoY: ▲ 13.7| 463%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
44.8%
YoY: +/-▲ 12.9%

ROE (TTM)
Q2/25
3.2%
YoY: +/-▲ 0.9%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	7,250 - 12,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	877
Số lượng CPLH (CP)	89,116,411
KLGD BQ 20 phiên (CP)	562,965
Sở hữu nước ngoài	0.7%
Beta	1.06
EPS	552
P/E	17.8

DT thuần
6T 2025
369
tỷ VNĐ
YoY: ▼532| -59.0%

LN thuần
6T 2025
57.5
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 36.4| 173%

LN sau thuế
6T 2025
44.0
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 30.7| 231%

Cơ cấu sở hữu

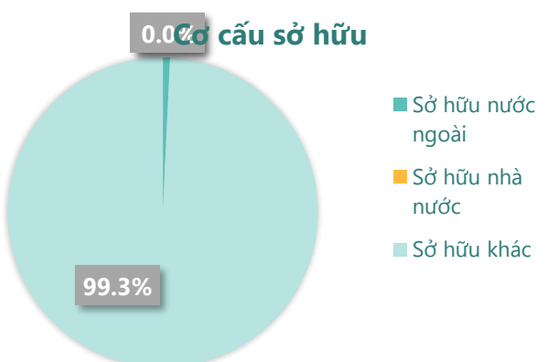

(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá

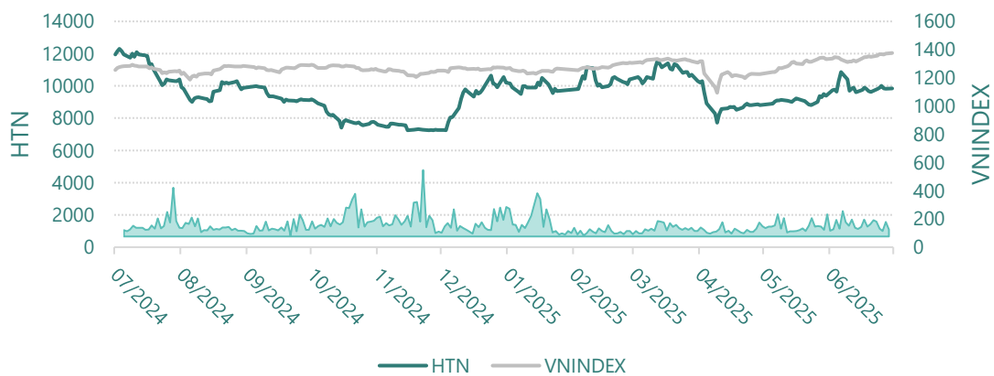

Cơ cấu cổ đông

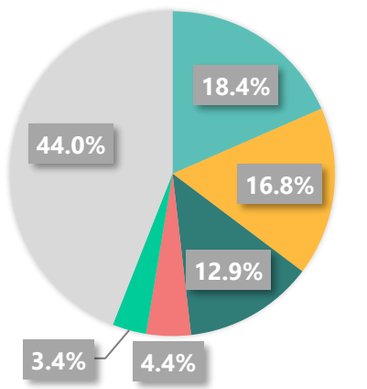

- CTCP Tập đoàn Hưng Thịnh
- Nguyễn Đình Trung (Chủ tịch HĐQT)
- CTCP Hưng Thịnh Investment
- Trần Thục Oanh
- America LLC
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp

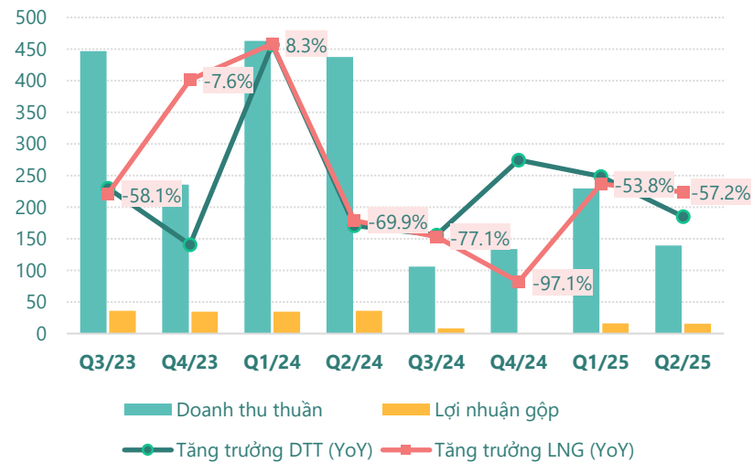

(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận

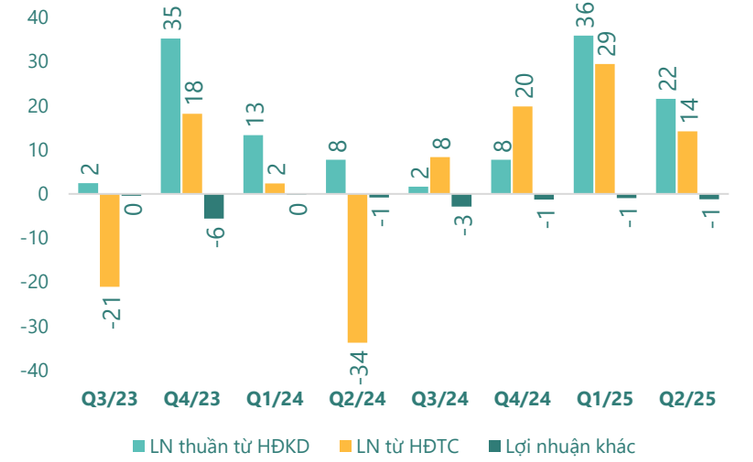

(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí

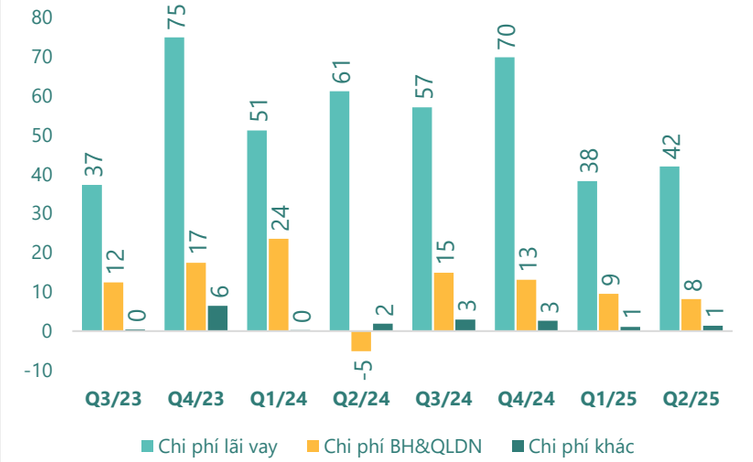

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận

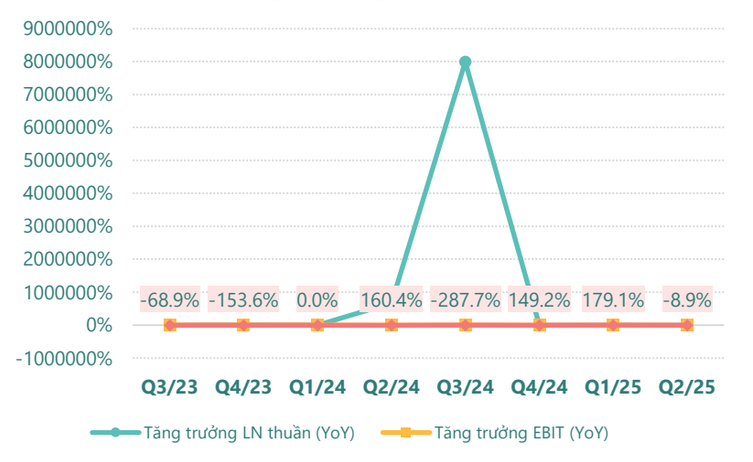

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

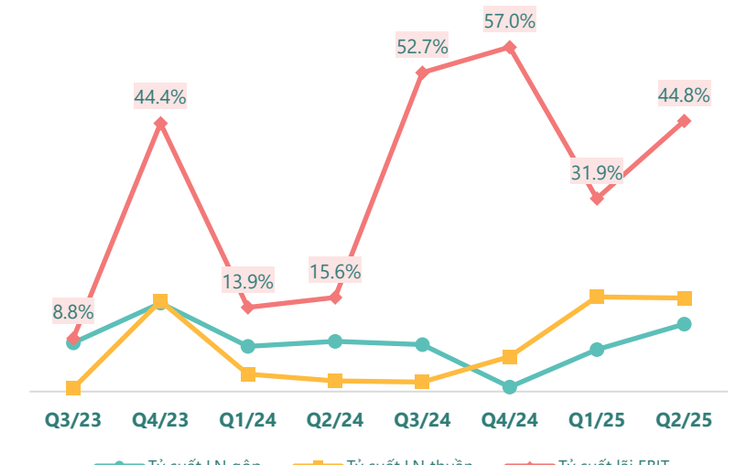

(Nguồn: fireant.vn)

Cổ tức

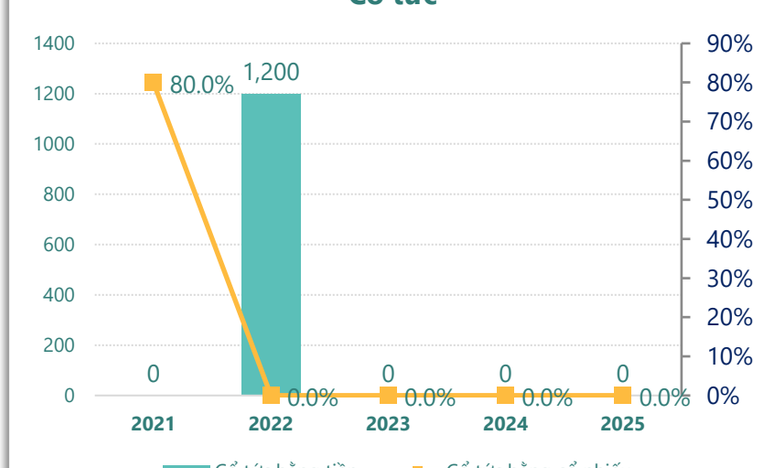

(Nguồn: fireant.vn)

TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

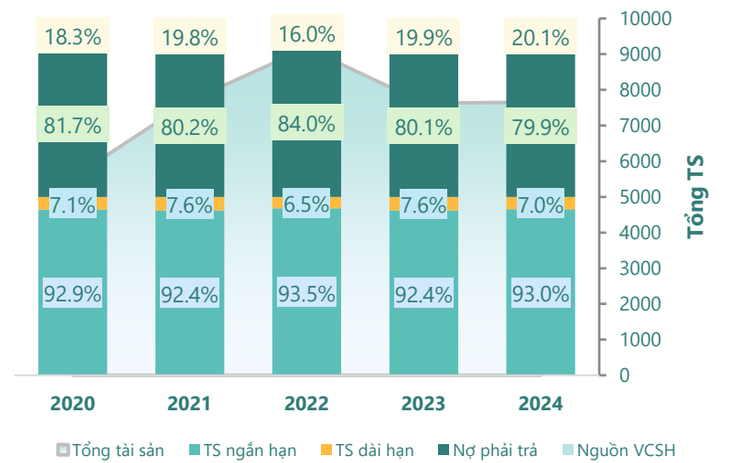

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

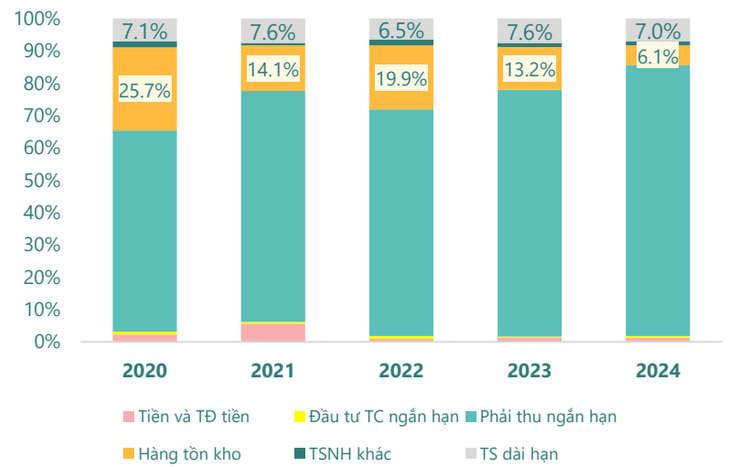

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

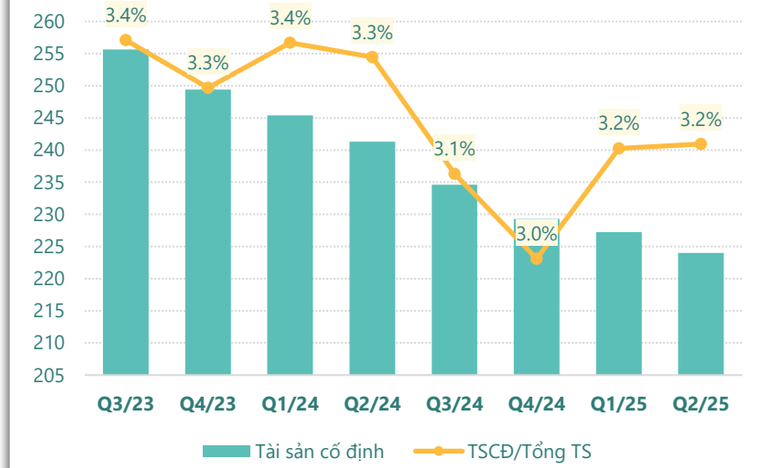

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

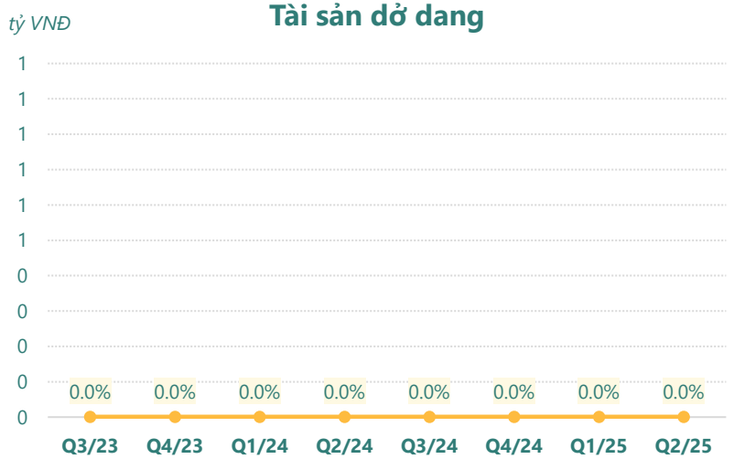

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

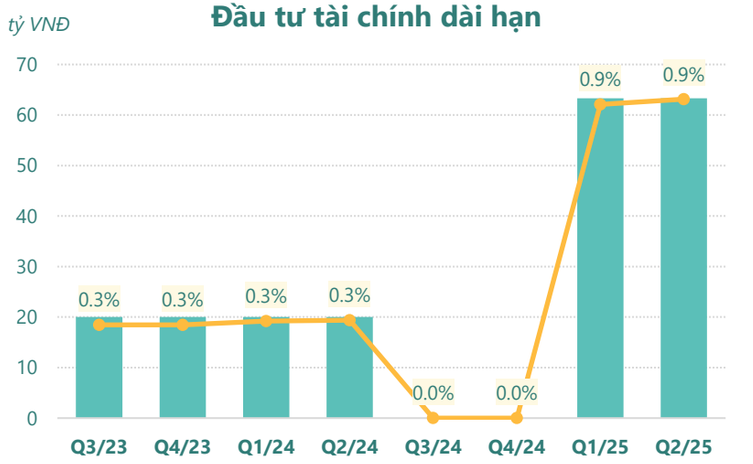

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

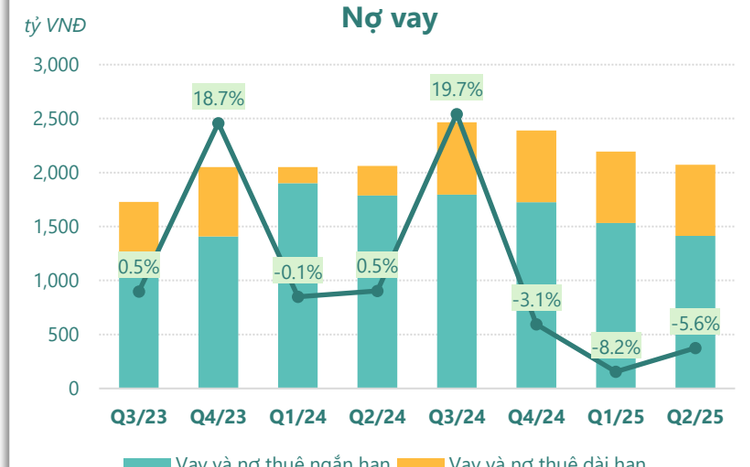

(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH

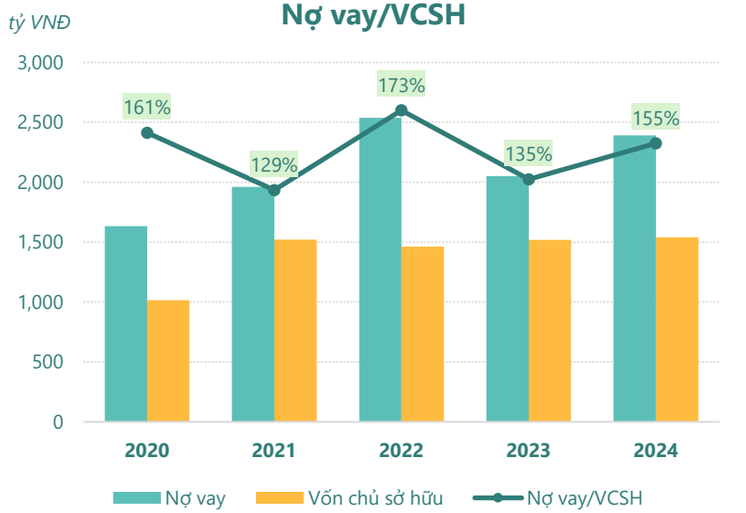

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

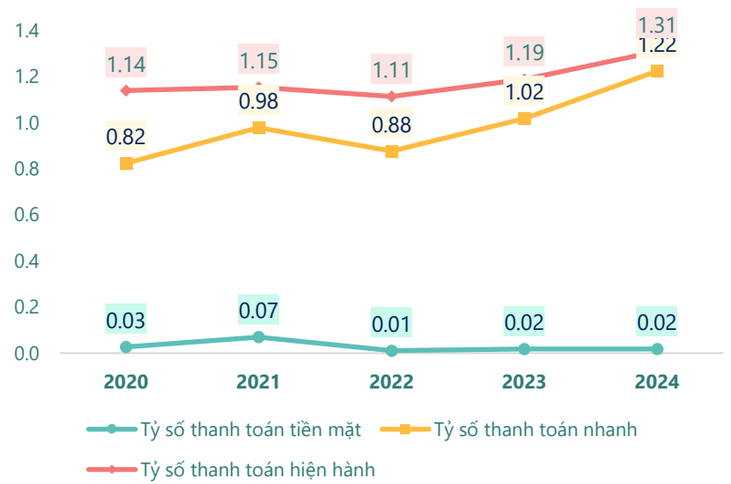

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

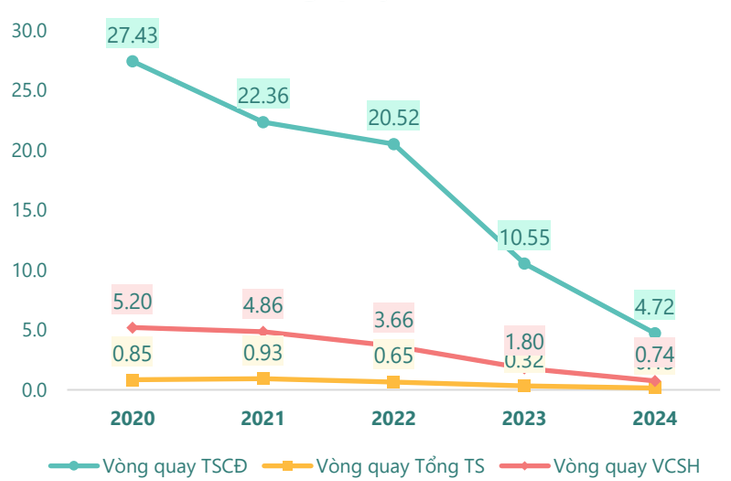

(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay

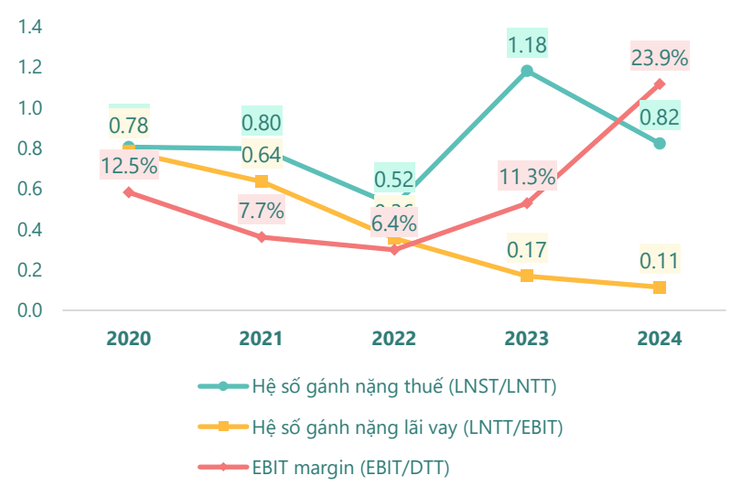

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE

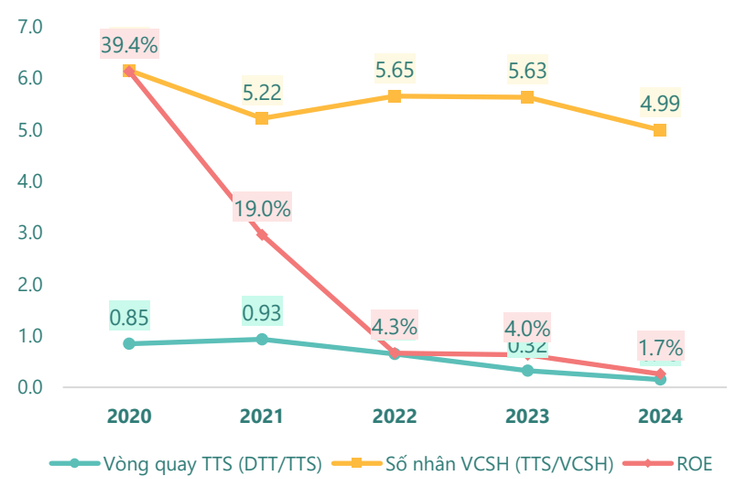

(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn

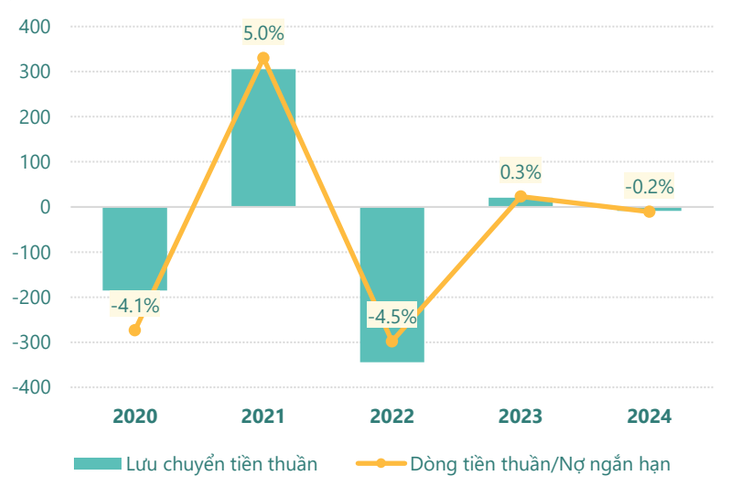

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**139**	**437**	**-68.1%**	**369**	**901**	**-59.0%**
Giá vốn hàng bán	124	401	-69.1%	337	830	-59.3%
Lợi nhuận gộp	15.5	36.3	-57.2%	31.5	70.8	-55.5%
Doanh thu HĐTC	69.9	40.6	72.1%	138	94.2	46.0%
Chi phí TC	55.7	74.3	-25.1%	93.9	126	-25.2%
Chi phí lãi vay	42.0	61.2	-31.4%	80.2	112	-28.6%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**8.15**	**-5.15**	**258%**	**17.6**	**18.4**	**-4.3%**
LN thuần từ HĐKD	21.6	7.71	180%	57.5	21.1	173%
Lợi nhuận khác	**-1.19**	**-0.79**	**-50.7%**	**-2.13**	**-1.01**	**-111%**
LN trước thuế	20.4	6.92	194%	55.3	20.1	176%
Lợi nhuận sau thuế	**16.7**	**2.97**	**463%**	**44.0**	**13.3**	**231%**
LNST của CĐ cty mẹ	**16.6**	**2.92**	**470%**	**44.0**	**13.2**	**234%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-44.9	-161	-525	47.7	221	76.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	49.4	103	103	79.0	-62.8	21.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-1.71	10.8	405	-75.4	-196	-124
Tiền đầu kỳ	104	107	60.1	44.1	95.2	57.5
Lưu chuyển tiền thuần	**2.80**	**-46.8**	**-16.0**	**51.3**	**-37.7**	**-25.1**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	107	60.1	44.1	95.4	57.5	32.4

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**7,018**	**7,656**	**-8.3%**
Tài sản ngắn hạn	6,432	7,121	-9.7%
Tiền và tương đương tiền	32.4	95.2	-66.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	18.8	40.2	-53.2%
Phải thu ngắn hạn	5,864	6,417	-8.6%
Hàng tồn kho	421	466	-9.6%
Tài sản ngắn hạn khác	96.4	103	-6.6%
Tài sản dài hạn	**585**	**535**	**9.3%**
Phải thu dài hạn	28.7	28.7	0.0%
Tài sản cố định	224	232	-3.6%
Bất động sản đầu tư	198	200	-1.2%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	63.3	0	
Tài sản dài hạn khác	**64.4**	**65.5**	**-1.6%**
Lợi thế thương mại	7.26	8.87	-18.2%
Nợ phải trả	5,433	6,114	-11.1%
Nợ ngắn hạn	**4,703**	**5,440**	**-13.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,415	1,725	-18.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	1,270	1,472	-13.7%
Nợ dài hạn	730	675	8.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	657	666	-1.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,584**	**1,542**	**2.7%**
Vốn chủ sở hữu	**1,584**	**1,542**	**2.7%**
Vốn điều lệ	891	891	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)